**CƠ SỞ PHÁP LÝ CHO VIỆC BAN HÀNH LUẬT BIỂU TÌNH TẠI VIỆT NAM (kỳ 1)**

 ***Nguyễn Văn Phúc – Giảng viên Khoa Luật, Đại học Duy Tân***

 Biểu tình có vai trò quan trọng trong một xã hội dân chủ, nó thể hiện quyền của người dân. Thông qua biểu tình mọi người có thể tự do bày tỏ chính kiến hay quan điểm trước những đối tượng mà mình hướng tới. Tuy nhiên, nước ta đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nên một số lĩnh vực còn chưa có những quy định cụ thể, điển hình như lĩnh vực biểu tình. Vì vậy, hoạt động biểu tình trong thời gian qua diễn ra theo nhiều hình thức khác nhau, Nhà nước gặp khó khăn trong quản lý còn người dân thì không biết phải biểu tình như thế nào là hợp pháp. Đây là những yêu cầu cấp bách cho việc phải xây dựng một văn bản luật điều chỉnh về vấn đề biểu tình, để quyền này thực sự đi vào đời sống.

**1. Quyền biểu tình trong các bản Hiến pháp**

Trên thực tế trước khi hiến pháp ra đời quy định về quyền biểu tình thì ngày 13/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 31 quy định về thể thức tổ chức các cuộc biểu tình.“*Xét vì tự do hội họp là một trong những nguyên tắc của chế độ dân chủ cộng hòa, nhưng trong tình thế đặc biệt hiện thời cần phải xem xét kiểm soát những cuộc biểu tình để tránh những sự bất trắc có thể ảnh hưởng đáng tiếc đến việc nội trị hay ngoại giao”***[[1]](#footnote-1).**Như vậy, Sắc lệnh do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký là văn bản pháp luật đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ thừa nhận công dân Việt Nam có quyền biểu tình, đồng thời xác định trách nhiệm của Nhà nước bảo đảm cho công dân thực hiện quyền biểu tình.

Đến Hiến pháp năm 1946 không trực tiếp ghi nhận quyền biểu tình của công dân, mà thể hiện thông qua quyền tự do tổ chức hội họp. Điều 11 Hiến pháp quy định: “*Công dân Việt Nam có quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú đi lại trong nước và ra nước ngoài*”.

Đến Hiến pháp năm 1959, quyền biểu tình chính thức được ghi nhận thành một quyền riêng bên cạnh quyền hội họp, lập hội. Điều 25 Hiến pháp quy định: “*Công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hoà có các quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội và biểu tình. Nhà nước bảo đảm những điều kiện vật chất cần thiết để công dân được hưởng các quyền đó*”. Kế thừa quy định của Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980, năm 1992 và Hiến pháp hiện hành tiếp tục ghi nhận quyền biểu tình của công dân. Điều 25 Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định”*

Trải qua hơn 50 năm từ khi quyền biểu tình của công dân được Hiến pháp ghi nhận là quyền cơ bản, việc thực thi quyền biểu tình vẫn còn trên Hiến Pháp, chưa đi vào đời sống.

**2. Những văn bản pháp lý hiện hành về vấn đề biểu tình**

Hiện nay, những vấn đề liên quan đến quyền biểu tình được điều chỉnh bởi Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị định số 38/2005 ngày 18/3/2005 của Chính phủ Quy định một số biện pháp bảo đảm trật tự công cộng; Thông tư số 09/2005 ngày 5/9/2005 của Bộ Công an hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 38/2005. Nhưng các quy định này không trực tiếp đề cập đến vấn đề biểu tình mà chỉ điều chỉnh một các gián tiếp thông qua các quy định về tập trung đông người ở nơi công cộng, thủ tục đăng ký tập trung đông người ở nơi công cộng, các biện pháp bảo đảm trật tự cộng cộng..

Hiến pháp 2013 thì đã ghi nhận quyền này việc còn lại là từ quy định Hiến pháp ban hành một văn bản cụ thể để quy định quyền này. Chúng ta xây dựng Luật là để đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội, đất nước và quyền lợi của nhân dân, làm cho các quan hệ xã hội diễn ra một cách trật tự, ổn định, văn minh hơn. Đồng thời, một đạo luật ngoài việc tạo hành lang và chuẩn mực pháp lý cho những quan hệ xã hội phát triển, còn trang bị những biện pháp và chế tài phù hợp cho cơ quan quản lý nhà nước.

**3. Luật quy định về quyền tự do hội họp của công dân**

Hiện nay, tại Việt Nam quyền biểu tình vẫn chỉ mới được ghi nhận trong các bản Hiến pháp. Ngoài ra, vẫn chưa có một văn bản chính thức ghi nhận về vấn đề này. Tham khảo luật pháp Việt Nam trước đây thì nước ta đã từng có luật liên quan đến biểu tình đó là Luật số 101/SL – L - 003 ngày 20 – 5 - 1957 của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa quy định về quyền tự do hội họp của công dân, một trong những nội dung của quyền biểu tình.Tuy không điều chỉnh trực tiếp về vấn đề biểu tình nhưng những quy định về việc xin phép trước khi tổ chức hội họp trong Luật số 101 là những quy định rất có giá trị trong việc tham khảo nhằm xây dựng luật biểu tình của Việt Nam sau này.

**3.1. Quy định về việc thông báo khi tổ chức biểu tình**

Điều 2 và Điều 3 (Luật số 101) quy định cụ thể những trường hợp nào hội họp mà không phải xin phép trước, trường hợp nào phải xin phép trước một cách rất rõ ràng. Những trường hợp không phải xin phép trước đó là “*Các cuộc hội họp có tính chất gia đình, giữa thân thuộc, bè bạn. Các buổi sinh hoạt của các hội hợp pháp, tổ chức trong trụ sở của hội, các cuộc hành lễ thường lệ của các tôn giáo tổ chức trong những nơi thờ cúng. Các buổi sinh hoạt của các đoàn thể trong Mặt trận dân tộc thống nhất, và các cuộc hội họp công cộng do các đoàn thể này tổ chức”* Nếu chúng ta kiểm soát quá gắt gao mọi cuộc tụ họp sẽ không khả thi. Bởi vì, mục tiêu của sự quản lý Nhà nước nhằm thiết lập sự ổn định của xã hội nói chung. Những cuộc tụ họp không gây bất ổn tình hình chính trị thì không cần pháp luật phải can thiệp quá sâu, chính những thành viên của những cuộc hội họp họ biết làm thế nào để phát huy điểm tích cực. Thậm chí ở những buổi sinh hoạt đòan thể còn là phương tiện hữu hiệu để người dân được phổ biến đường lối và chính sách đúng đắng của Đảng và nhà nước.

Điều 3 không chỉ bao hàm những trường hợp hội họp phải xin phép trước mà còn nêu lên mục đích của việc quy định những trường hợp tụ họp phải xin phép trước. “*Để đảm bảo việc giữ gìn trật tự an ninh, các cuộc hội họp công cộng, trừ các cuộc hội họp nói trong điều 2, phải được Uỷ ban hành chính địa phương cho phép trước*”. Tuy Luật số 101 không nêu lên cụ thể trường hợp nào hội họp phải xin phép trước nhưng qua sự loại trừ Điều 2 còn lại đều phải xin phép trước. Việc đặt ra yêu cầu xin phép trước để nhằm hai mục đích sau :

Thứ nhất: nếu không được sự cho phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì đó là sự tụ họp không hợp pháp. Qua đó, Nhà nước có quyền áp dụng những biện pháp cưỡng chế thích hợp mà những người đã tụ họp không xin phép hoặc xin phép mà không được sự chấp nhận.

Thứ hai: Nhà nước cho phép hội họp hoặc không cho phép hội họp, chính quyền cũng có điều kiện để chuẩn bị những điều kiện cần thiết để đối phó với những âm mưu gây rối hoặc hành động gây mất ổn định trái với luật pháp.

Từ quy định này, ta có thể nhận thấy ngay cả việc biểu tình cũng cần phải đăng ký trước khi biểu tình , mục đích chính cũng như việc phải xin phép để hội họp như Luật 101. Luật vừa là cơ sở để nhân dân có thể tự do biểu tình, vừa là phương tiện và công cụ để Nhà nước quản lý việc biểu tình đúng pháp luật. Thông qua luật, Nhà nước có thể xử lý những trường hợp vi phạm.

1. Xem. http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co\_id=30008&cn\_id=1836 [↑](#footnote-ref-1)